



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 1145/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 26/05/2025 Trang/ Page: 1/3														
1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH E-WAY VIỆT NAM															
2. Địa chỉ kiểm định: Place of testing:	Lô M, KCN Lộc An – Bình Sơn, Xã Long An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.															
3. Đối tượng kiểm định: Type of testing:	Recloser															
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 Thiết bị/ Tại trụ Recloser 01 Equipments / At the Recloser Substation															
5. Phương pháp kiểm định: Method of testing:	ETSC/TN/QT22; TCVN 6592-2:2009; Tài liệu kỹ thuật nhà SX															
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	25/05/2025															
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	<table><tr><td>Kiểu máy cắt/ Type:</td><td>U27S-ACR-SOLID-27-12-125</td></tr><tr><td>Số chế tạo/ Serial No:</td><td>CI21020125 199977</td></tr><tr><td>Điện áp định mức/ Rated voltage:</td><td>27kV</td></tr><tr><td>Dòng điện định mức/ Rated current:</td><td>630 A</td></tr><tr><td>Dòng cắt định mức/ Rated cutting current:</td><td>12,5 kA/3s</td></tr><tr><td>Năm sản xuất/ Date of manufacture:</td><td>05-2021</td></tr><tr><td>Nhà chế tạo/ Manufacture:</td><td>SCHNEIDER</td></tr></table>		Kiểu máy cắt/ Type:	U27S-ACR-SOLID-27-12-125	Số chế tạo/ Serial No:	CI21020125 199977	Điện áp định mức/ Rated voltage:	27kV	Dòng điện định mức/ Rated current:	630 A	Dòng cắt định mức/ Rated cutting current:	12,5 kA/3s	Năm sản xuất/ Date of manufacture:	05-2021	Nhà chế tạo/ Manufacture:	SCHNEIDER
Kiểu máy cắt/ Type:	U27S-ACR-SOLID-27-12-125															
Số chế tạo/ Serial No:	CI21020125 199977															
Điện áp định mức/ Rated voltage:	27kV															
Dòng điện định mức/ Rated current:	630 A															
Dòng cắt định mức/ Rated cutting current:	12,5 kA/3s															
Năm sản xuất/ Date of manufacture:	05-2021															
Nhà chế tạo/ Manufacture:	SCHNEIDER															
8. Phương tiện kiểm định: Testing equipment:	Kyoritsu 3125A; HLY-200C; HZC-3980; Fluke 287C; Fluke 355; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ															
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH															
10. Kết quả kiểm định: Testing result:	Xem trang sau See next page															
11. Tem kiểm định: Testing stamp No:	704/25/ETSC															
12. Kết luận: Conclusion	- Recloser nêu trên đạt yêu cầu vận hành/ Air circuit breaker Pass.															
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 05/2026 Recommended next testing period:																
Người Thực Hiện Executor	Trần Văn Minh Nguyễn Quốc Hoàn															

TN/QT-11/M1

Ban hành lần 2



- Phòng Kiểm định và Thí nghiệm điện đã được AOSC công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (VLAT-1.0757);
- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận, hoặc do khách hàng yêu cầu, các chỉ tiêu (**) được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Tên mẫu, tên đơn vị yêu cầu được ghi theo thông tin khách hàng cung cấp;
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý của ETSC.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 26/05/2025
Trang/ Page: 2/3

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.1/ Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ Check out the outside condition:

Stt No	Đối tượng kiểm tra Check object	Kết quả Result	Đánh giá Evaluate
1	Bề mặt cách điện/ <i>Insulation surface</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
2	Cấu trúc thiết bị/ <i>Structural member</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
3	Buồng dập hồ quang/ <i>Interrupter</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
4	Đầu nối nhị thứ/ <i>Secondary wiring</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
5	Con lăn/ <i>Roler</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
6	Cờ chỉ thị/ <i>Indicating flag</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
7	Các cuộn dây vận hành/ <i>Operating coils</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
8	Tiếp địa giá đỡ/ <i>Grounding rack</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
9	Bộ truyền động/ <i>Mechanical structure</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
10	Bầu chân không/ <i>Vacuum gourd</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>
11	Vệ sinh & bôi trơn/ <i>Clean & lubrication</i>	Bình thường/ <i>Normal</i>	Đạt/ <i>Pass</i>

10.2/ Điện trở cách điện/ Insulation Resistance Measurement (MΩ):

Đối tượng đo Testing object	Trạng thái máy cắt CB status	Điện áp thử (VDC) Testing voltage	Giá trị đo (MΩ) Measured value	Tiêu chuẩn (MΩ) Standard value	Đánh giá Remark
Phase A - $\sum + E$	Đóng/ <i>Close</i>	5.000	≥ 10.000	≥ 1.000	Đạt/ <i>Pass</i>
Phase B - $\sum + E$		5.000	≥ 10.000	≥ 1.000	Đạt/ <i>Pass</i>
Phase C - $\sum + E$		5.000	≥ 10.000	≥ 1.000	Đạt/ <i>Pass</i>
A1 - A2	Mở/ <i>Open</i>	5.000	≥ 10.000	≥ 1.000	Đạt/ <i>Pass</i>
B1 - B2		5.000	≥ 10.000	≥ 1.000	Đạt/ <i>Pass</i>
C1 - C2		5.000	≥ 10.000	≥ 1.000	Đạt/ <i>Pass</i>

10.3/ Đo điện trở tiếp xúc/ Resistance measurement

Đối tượng đo Testing object	Dòng thử (ADC) Testing current	Giá trị đo ($\mu\Omega$) Measured value	Tiêu chuẩn ($\mu\Omega$) Standard value	Đánh giá Remark
Phase A	100	46,2	$R_{tx} \leq 50$	Đạt/ <i>Pass</i>
Phase B	100	46,1		Đạt/ <i>Pass</i>
Phase C	100	43,2		Đạt/ <i>Pass</i>

Số/ No: 1145/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 26/05/2025 Trang/ Page: 3/3
---------------------------	--	--

10.4/ Đo thời gian đóng cắt/ Operating time measurement

Trạng thái máy cắt CB status	Đo thời gian Time measurement (ms)		
	Phase A	Phase B	Phase C
Đóng/ Close	63,2	63,1	63,2
Mở/ Open	66,7	66,7	66,8

10.5/ Đo thời gian đóng cắt/ Operating time measurement

Đối tượng đo Testing object	Đo thời gian Time measurement (ms)		
	Cắt/ Open	Đóng/ Close	Cắt/ Open
Phase A	66,8	130,1	189,3
Phase B	66,9	129,9	189,2
Phase C	66,7	130,0	189,2

10.6/ Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng đo The object of measurement	Điện áp thử nghiệm The voltage of testing	Thời gian thử nghiệm The time of testing	Kết quả đo Measurement results
A – (B + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
B – (A + C + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass
C – (B + A + Vô)	50 kV	60 s	Chịu được/ Pass

10.7/ Thao tác 05 lần các chu trình làm việc C-O;O-C; O-0,3s-CO/ Operation 05 times of working cycle C-O, O-C; O-0,3s-CO: Bình thường/ Normal.